

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinacorex (tên cũ là Công ty Cổ phần Thủy điện Cửa Đạt) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2800799804 ngày 12 tháng 07 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được cấp bổ sung 4 lần Giấy đăng ký kinh doanh do thay đổi tên Công ty, trụ sở chính và Văn điều lệ.

<i>Vốn điều lệ theo GCN Đăng ký kinh doanh lần thứ 4</i>	350.000.000.000 VND
<i>Vốn pháp định</i>	6.000.000.000 VND

Cổ đông theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	184.110.000.000	48,45%
Tổng Công ty Sông Đà	61.370.000.000	16,16%
Tổng Công ty Cơ điện - Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi	57.760.000.000	15,2%
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	57.760.000.000	15,2%
Các cổ đông khác	19.000.000.000	5%
Cộng	350.000.000.000	100%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ	: Tầng 19 Tòa nhà Vinacorex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại	: 046.2699988
Fax	: 046.2699977
E-mail	: vinacorexpc@tpt.vn
Mã số thuế	: 2800799804

Các công ty con

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Thủy điện Hải Thượng.
Địa chỉ	: Tầng 2, nhà quản lý điều hành các Công trình Thủy Điện, Thôn Trung Chính, xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Lĩnh vực kinh doanh	: Sản xuất điện năng.
Tỷ lệ phần sở hữu	: 51%

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế là:

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; tư vấn xây lắp các công trình điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng khác; xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng; Kinh doanh khách sạn, du lịch;
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, thiết bị;
- Kinh doanh thiết bị xây dựng; Kinh doanh Bất động sản;
- Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); tư vấn quản lý dự án (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện đăng ký theo quy định của pháp luật);
- Thẩm tra các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Khai thác quặng thiếc, quặng vonfram, quặng kim loại quý hiếm (Không bao gồm xuất khẩu vàng quặng nguyên liệu);
- Khai thác đất đá, cát sỏi, đất sét.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 36 đến trang 35).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm theo nhiệm kỳ III (2014 – 2019)	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Thân Thế Hà	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Vương Hoàng Minh	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Lê Văn An	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Võ Đức Quảng	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Lê Minh Văn	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Vũ Tuấn Hùng	Ủy viên		26 tháng 3 năm 2014
Ông Trịnh Hữu Long	Ủy viên		26 tháng 3 năm 2014

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm theo nhiệm kỳ III (2014 – 2019)	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Trưởng ban	26 tháng 3 năm 2014	
Bà Nguyễn Quỳnh Chi	Thành viên	26 tháng 3 năm 2014	
Bà Nguyễn Thị Phương Mai	Thành viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Vũ Văn Mạnh	Thành viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Lý Quang Thái	Thành viên		26 tháng 3 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên		26 tháng 3 năm 2014

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vương Hoàng Minh	Giám đốc	22 tháng 5 năm 2004
Ông Phạm Bảo Long	Phó Giám đốc	10 tháng 7 năm 2012

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Vương Hoàng Minh
Giám đốc

Ngày 04 tháng 8 năm 2014



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Hội đồng kiểm toán : 2 Trưng Sơn St., W. 2, Tòa Nhà Dục, Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3.9472972 - Fax: (84.8) 3.9472970
Branch in Hà Nội : 40 Công Viên St., Dong Da Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Dư St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162/04 Trà My Ngọc Que St., Cần Thơ City
www.aac.com.vn

Số: 332/2014/BCTC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG
VINACONEX**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG
VINACONEX**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinacorex gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 04 tháng 8 năm 2014 từ trang 07 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 26 tháng 01 năm 2014 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo về mặt bằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét kèm theo bao gồm số liệu so sánh cùng kỳ năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất. Chúng tôi không tiến hành soát xét các số liệu so sánh này theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nên chúng tôi không đưa ra nhận xét về các số liệu so sánh này.

10/07/2014

10/07/2014

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đang kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNDKIN kiểm toán: 0368-2013-008-91

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKIN kiểm toán: 1997-2013-008-01

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinacoex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CẢN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Đơn vị tính)

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86.413.786.836	60.663.975.801
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26.573.744.406	6.456.700.196
1. Tiền	111		10.573.744.406	1.455.700.196
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.000.000.000	5.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	2.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.835.783.628	48.042.804.858
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	48.310.204.880	42.527.817.526
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	971.397.500	1.610.437.654
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	4.554.181.248	4.504.549.678
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.345.036.016	1.225.520.264
1. Hàng tồn kho	141	V.6	2.345.036.016	1.225.520.264
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.059.232.786	2.938.941.483
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	268.950.063	166.170.617
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.425.301.130	1.620.585.438
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	964.971.587	1.152.185.428



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinacorex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỨA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.183.965.219.791	1.217.719.265.246
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.156.834.653.957	1.188.068.597.557
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.144.463.959.811	1.176.315.312.866
Nguyên giá	222		1.408.578.515.151	1.403.934.464.045
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(264.661.555.299)	(229.138.151.179)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	12.370.694.146	11.252.284.691
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		27.110.565.834	29.650.697.689
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	27.110.565.834	29.650.697.689
2. Tài sản chờ thu nhập hoặc lợi	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.270.379.006.627	1.278.383.244.047

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinacorex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	M18		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Thuyết số	minh		
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		809.127.093.211	782.585.503.119
I. Nợ ngắn hạn	310		201.310.629.770	176.640.027.712
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	115.565.396.135	142.993.683.407
2. Phải trả người bán	312	V.13	4.699.378.534	4.758.687.097
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	20.215.272.861	17.357.922.506
5. Phải trả người lao động	315		1.471.231.659	105.430.115
6. Chi phí phải trả	316	V.15	8.160.811.439	8.353.792.053
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	50.264.898.723	2.440.621.289
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	933.640.417	632.891.265
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		607.816.463.441	605.945.475.407
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	607.816.463.441	605.945.475.407
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		458.751.913.416	495.797.737.928
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	458.751.913.416	495.797.737.928
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.000.000.000	380.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		28.768.193.159	27.516.261.165
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.447.047.769	11.447.047.769
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		38.536.672.488	76.834.428.954
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỆU SỐ	439	V.20	2.500.000.000	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.270.379.006.627	1.278.383.241.047

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinacorex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vốn tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận giá cống		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ thuê đất đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		97,22	113,85
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập báo

Nguyễn Văn Bình

Kế toán trưởng

Phạm Bảo Long

Ngày 04 tháng 8 năm 2014

Giám đốc



Vương Hoàng Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinacorex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính: VND)

Đơn vị tính: VND

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	142.422.452.741	121.370.641.716
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		142.422.452.741	121.370.641.716
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	56.916.310.206	51.683.180.654
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		85.506.142.535	69.687.461.062
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	552.978.434	1.237.937.856
7. Chi phí tài chính	22	VL4	36.364.771.717	45.702.915.805
Trong đó: chi phí lãi vay	23		30.977.248.207	38.722.211.138
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL5	8.990.137.443	9.445.191.085
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.704.211.809	15.772.293.428
11. Thu nhập khác	31	VL6	706.600	187.905.993
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		706.600	187.905.993
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.704.918.409	15.960.199.421
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.035.245.921	46.976.498
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38.669.672.488	15.913.222.923
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		38.669.672.488	15.913.222.923
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL7	1.018	419

Người lập biểu

Nguyễn Văn Bình

Kế toán trưởng

Phạm Bảo Long

Lần này: 31 tháng 8 năm 2014

Giám đốc



Vương Hoàng Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinacorex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

* (Đơn vị: đồng)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.704.918.409	15.913.232.923
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		34.946.040.475	34.953.435.608
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		2.059.871.529	3.671.105.091
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(541.249.999)	(1.237.937.856)
- Chi phí lãi vay	06		30.977.248.207	38.722.211.338
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		108.146.828.621	92.022.028.184
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.847.280.837)	46.471.146.422
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.119.506.732)	(100.332.626)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(19.444.798.613)	(13.435.351.936)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.417.322.469	4.382.000.034
- Tiền lãi vay đã trả	13		(31.170.228.801)	(46.264.198.382)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(299.325.536)	(46.317.404)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	21.673.068
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.777.947.848)	(1.594.622.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48.905.061.853	87.516.215.470
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.712.056.875)	(15.445.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(12.150.900.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		541.249.999	1.237.937.856
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.170.846.876)	(16.227.597.599)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinacorex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuật số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	85.046.634.439	91.379.356.242
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(113.562.020.518)	(106.979.108.967)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(56.928.396.220)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<u>(27.615.386.079)</u>	<u>(72.528.148.945)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	20.118.828.898	4.960.558.886
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.I	38.395.341.402
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.784.683)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.I	<u>42.455.960.388</u>

Người lập báo cáo



Nguyễn Văn Bình

Kế toán trưởng



Phạm Đức Long

Làm ngày 04 tháng 8 năm 2014



Giám đốc



Wương Hoàng Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm báo cáo tài chính của Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex và các công ty con (gọi chung là Công ty) và lợi ích của Công ty tại các công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đang kiểm soát.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất
3. Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất kinh doanh điện năng
4. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty có 149 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 149 nhân viên).

5. Tổng số các công ty con : 01

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01

6. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Trung Châu, Xuân Cẩm, Thượng Xuân, Thanh Hòa	51%	51%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinacorex, số 34 Lang Hạ, phường Lang Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các chứng từ liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinacorex (công ty mẹ) và công ty con (Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con, công ty liên kết khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì báo cáo tài chính của công ty con phải có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Cơ sở hợp nhất

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

ĐÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc điều thụ chủng.

Tổng hệ số giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khi đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận bao gồm chi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinacorex, số 24 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trong tương lai do sử dụng tài sản đó, Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 35
Máy móc và thiết bị	10 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nên phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân tích vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang của một thời gian dài dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

Kế toán - 01/01/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinacorex, số 34 Lang Ha, phường Lang Ha, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuán và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chính sách tỷ giá trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản

Khoản chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 2 năm.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền đã được trả trước cho bên cho thuê. Tiền thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập luận hình là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinacorex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

ĐẠO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (đếp theo)

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 30/6/2014 : 21.300 VND/USD
31/12/2013 : 21.085 VND/USD

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu công cụ như quyền quản lý hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chỉ phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các khoản phải thu.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và được ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ Tầng 19 Tòa nhà Vinacorex, số 34 Lương Hà, phường Lương Hà, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA MIỀN ĐO

5 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ (tiếp theo)

21. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phân chính lịch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được hưởng lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. **Bù trừ công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi cả chi khí Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. **Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cũng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinacorex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.996.951.982	912.574.164
Tiền gửi ngân hàng	3.378.792.424	544.125.832
Các khoản tương đương tiền	16.000.000.000	5.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống ⁽¹⁾	16.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	26.573.744.406	6.456.700.196

⁽¹⁾Khoản tiền gửi có kỳ hạn theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 1106014/SHEBTL - Vinacorex ngày 11 tháng 6 năm 2014 số tiền 16.000.000.000 VND được cam kết theo Hợp đồng cam kết góp vốn có giá kiểm kê ước nhận nợ số 190/2014/HETDINH - PN/SHB ngày 30 tháng 6 năm 2014 với ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long, thời hạn từ ngày 30/6/2014 đến ngày 11/7/2014.

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

3. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Mua bán điện	48.310.204.880	42.013.342.156
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại EUCONS Hà Nội	-	312.315.170
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Điện Miền Bắc 2	-	202.160.000
Cộng	48.310.204.880	42.527.817.526

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản trả trước tại Công ty mẹ	473.471.500	438.411.654
Các khoản trả trước tại Công ty con	497.926.000	572.026.000
Cộng	971.397.500	1.010.437.654

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải thu khác	4.554.181.248	4.504.549.678
Phải thu tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	3.819.324.323	3.819.324.323
Phụ cấp HDQT, BKS	176.400.000	389.200.000
Phải thu tiền vật tư công trình	185.790.800	-
Thuế TNCN phải thu CBNV	150.614.332	284.515.658
Phải thu khác	22.051.793	11.511.697
Cộng	4.554.181.248	4.504.549.678

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 của nhà Vinacorex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	12.591.020	32.591.020
Công cụ, dụng cụ	2.312.444.996	1.192.938.244
Cộng	<u>2.345.036.016</u>	<u>1.225.529.264</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa TSCĐ	220.564.836	67.216.581
Chi phí bảo hiểm	34.359.193	2.817.162
Chi phí công cụ dụng cụ	14.023.994	96.136.374
Cộng	<u>268.950.063</u>	<u>166.170.617</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

Là các khoản tạm ứng của các bộ phận viên Công ty.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	777.884.805.750	619.974.308.484	7.504.490.495	590.959.316	1.405.954.464.045
Tăng trong kỳ	2.563.487.420			30.200.000	2.593.687.420
<i>Mua sắm mới</i>				30.200.000	30.200.000
<i>Đẩy ra kỹ dụng cơ bản</i>	2.563.487.420				2.563.487.420
<i>hoàn thành</i>					
Giảm theo TPD		(22.636.364)			(22.636.364)
Số cuối kỳ	<u>780.448.293.170</u>	<u>619.951.672.120</u>	<u>7.504.490.495</u>	<u>621.159.316</u>	<u>1.408.525.515.101</u>
Trong đó:					
Hồ khoan hào hết năng vận cần sử dụng		1.113.397.078	1.922.271.598		3.035.668.676
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	100.926.799.147	123.049.977.422	4.640.822.235	520.562.373	229.138.151.179
Tăng trong kỳ	13.728.602.625	20.735.194.379	438.256.595	98.321.743	35.020.375.342
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	13.728.602.625	20.680.819.512	438.256.595	98.321.743	34.946.040.475
<i>Tăng do phân loại</i>		74.334.867			74.334.867
Giảm do phân loại		(22.636.364)		(74.334.867)	(96.971.231)
Số cuối kỳ	<u>114.655.401.772</u>	<u>143.782.535.437</u>	<u>5.079.078.830</u>	<u>544.539.251</u>	<u>164.061.555.290</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	676.958.006.603	496.924.331.062	2.863.668.260	70.406.941	1.176.816.312.866
Số cuối kỳ	665.792.891.398	476.169.036.683	2.425.411.665	76.620.065	1.144.463.959.811

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 1.396.400.251.986 VND và 1.136.604.556.991 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinacorex, số 34 Lãng Hạ, phường Lãng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊM ĐỢ

5 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Công trình Thủy điện Bãi Thượng	1.741.362.035	2.334.252.494	-	4.075.614.529
Công trình thủy điện Xuân Minh	7.836.870.710	458.208.907	-	8.295.079.617
Công trình khe thiết bị nhà máy	1.674.051.946	889.435.474	2.563.487.420	-
Cộng	11.252.284.691	3.681.896.875	2.563.487.420	12.370.694.146

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chiếm lợi tỷ giá giao đoạn trước hoạt động	12.584.090.222	-	3.314.598.576	9.269.491.646
Chi phí thuê văn phòng	16.358.818.705	-	717.462.656	15.641.356.049
Chi phí Công cụ dụng cụ	707.758.762	1.877.906.745	365.947.368	2.219.718.139
Cộng	29.650.667.689	1.877.906.745	4.398.008.600	27.130.565.834

12. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	49.238.124.578	29.460.210.395
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình ⁽¹⁾	19.747.848.952	9.141.705.774
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long ⁽²⁾	29.490.275.626	20.318.504.621
Vay ngắn hạn cá nhân khác ⁽³⁾	1.300.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18)	65.027.271.557	113.513.473.012
Cộng	145.065.696.135	142.993.683.407

⁽¹⁾ Khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình theo HHHMTD số 069/2013/HHMTD – PGDDC ngày 1/6/2013, theo hạn mức tín dụng 20 tỷ VND, thời hạn duy trì hạn mức đến 31/3/2014, thời hạn tối đa 5 tháng trên từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo lãi suất huy động vốn thực tế trả lãi sau trên thị trường kỳ hạn 3 tháng được niêm yết tại ngân hàng vào ngày xác định lãi suất. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay trong hạn. Lãi suất được điều chỉnh vào ngày 25 hàng tháng, định kỳ 1 tháng/lần.

⁽²⁾ Khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng số 165/2013/HHMTD – PN/SHB.TL ngày 7/5/2013, theo hạn mức tín dụng 22 tỷ VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn tối đa 5 tháng trên từng khế ước nhận nợ. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được tính theo thời điểm giải ngân vốn vay và phương án sử dụng vốn cụ thể. Trả lãi ngày 05 hàng tháng tính theo dư nợ thực tế. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay trong hạn. Góc vay trả vào cuối kỳ hạn mỗi khế ước nhận nợ.

⁽³⁾ Vay ngắn hạn cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8%, thời hạn vay 05 tháng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinacorex, số 34 Lang Hạ, phường Lang Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I CỦA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay		Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
		phát sinh trong kỳ	Tăng do (đình giá) kỳ		
Vay ngắn hạn ngân hàng	29.460.210.395	84.646.034.439	-	64.863.720.256	49.238.124.578
Vay ngắn hạn có chẵn	-	1.200.000.000	-	-	1.200.000.000
Vay dài hạn đối tượng	113.533.473.012	-	187.098.807	48.693.300.262	65.027.271.557
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình	60.851.988.163			21.844.263.758	35.011.424.409
Tổng Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Kinh doanh Dầu Việt Nam	36.697.473.012		187.098.807	12.348.736.386	18.545.835.443
Ngân hàng TMCP Dân cư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	2.921.146.163			1.001.406.000	1.919.740.163
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	3.736.006.209			1.981.106.000	1.754.900.209
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - chi nhánh Hà Nội	4.281.719.245			1.268.106.000	2.813.613.245
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - chi nhánh Thanh Hóa	2.921.146.163			1.001.406.000	1.919.740.163
Cộng	142.995.683.697	85.846.034.439	187.098.807	113.263.030.518	115.565.396.135

13. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi cục cơ dân tình Thanh Hóa	3.004.403.981	3.004.403.981
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 - PECC1	942.604.651	942.604.651
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Minh Hương	476.760.572	476.760.572
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	89.968.420	-
Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu	-	83.655.000
Nhà cung cấp khác	185.620.908	248.262.891
Cộng	4.699.378.534	4.755.687.097

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp		Số cuối kỳ
		trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.610.105.392	14.889.200.061	11.256.915.584	6.242.389.869
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.698.738	2.035.245.921	299.325.536	1.781.619.123
Thuế thu nhập cá nhân	1.195.215.914	906.467.715	1.380.261.386	721.482.243
Thuế tài nguyên	3.104.985.462	9.885.638.767	10.716.364.803	2.274.259.426
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	10.401.917.000	3.648.300.116	4.854.654.916	9.195.522.200
Cộng	17.357.922.506	31.364.852.580	28.507.502.225	20.215.272.861

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinacorex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng với thuế suất thuế 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm đầu tiên Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.704.918.409	15.960.199.421
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	40.704.918.409	15.960.199.421
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính	40.704.918.409	15.772.293.428
Thu nhập khác	-	187.905.993
Thu nhập tính thuế	40.704.918.409	15.960.199.421
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	8.955.082.850	3.990.049.855
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(4.884.390.299)	(2.365.844.014)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(2.035.245.921)	(1.577.229.343)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.035.245.921	46.976.498

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức 1.508,850VND/Kwh x thuế suất x sản lượng.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Chi phí phải trả

Là chi phí lãi vay phải trả.

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	156.028.948	67.088.031
Bảo hiểm xã hội	9.337.012	25.639.569
Bảo hiểm y tế	26.866.435	23.471.700
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	50.017.902.350	2.282.330.700
Phải trả, phải nộp khác	74.763.980	42.131.287
Cộng	50.264.898.725	2.440.621.289

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinacorex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Tăng do trích			Số cuối kỳ
	Số đầu năm	lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	
Quỹ khen thưởng	317.765.271	2.155.088.000	2.471.142.667	1.710.604
Quỹ phúc lợi	315.125.894	923.609.000	306.805.181	931.929.813
Cộng	632.891.265	3.078.697.000	2.777.947.848	933.640.417

18. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng phát triển Việt Nam - chi nhánh Hòa Bình ⁽¹⁾	88.083.187.855	88.083.187.855
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội ⁽²⁾	120.441.848.420	120.441.848.420
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ⁽²⁾	91.685.604.808	91.685.604.808
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa ⁽²⁾	61.123.736.531	61.123.736.531
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa ⁽²⁾	61.123.736.531	61.123.736.531
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam ⁽³⁾	185.358.349.296	183.487.361.262
Cộng	607.816.463.441	605.945.475.407

⁽¹⁾ Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 06/2005/HĐTD ngày 24/7/2005, Hợp đồng điều chỉnh số 109/2010/HĐKT về việc thừa kế quyền và nghĩa vụ hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển giữa Quỹ hỗ trợ phát triển Hòa Bình nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Hòa Bình và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Vinacorex, hợp đồng điều chỉnh số 05/2009/HĐTD ĐTĐC ngày 4/3/2009. Theo đó, hạn mức khoản tín dụng là 430 tỷ VND; thời hạn cho vay là 12 năm, thời gian ân hạn trả nợ gốc là 54 tháng, lãi suất cho vay áp dụng cho các khoản giải ngân từ ngày 1/7/2008 là 8,4%/năm với mục đích sử dụng vốn vay là đầu tư cho Dự án nhà máy thủy điện Cửa Đạt, Gốc và lãi thanh toán 1 tháng/lần.

⁽²⁾ Khoản vay với các ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Nam Hà Nội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Thanh Hóa và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Thanh Hóa, được ký chung một hợp đồng tín dụng số 205.02/2005 ngày 1/8/2005 với Công ty Cổ phần Thủy điện Cửa Đạt (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Vinacorex). Theo đó, hạn mức tín dụng của Hợp đồng là 547 tỷ VND, thời hạn cho vay là 168 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán các chi phí cho nhà máy Thủy điện Cửa Đạt. Lãi suất áp dụng được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm bình quân kỳ hạn 12 tháng (lãi trả sau) của các ngân hàng tham chiếu (các ngân hàng tham gia cho vay) + tỷ lệ 3%/năm. Thời hạn ân hạn thanh toán nợ gốc là 54 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong thời hạn này lãi phát sinh sẽ nhập gốc. Kỳ hạn thanh toán nợ gốc theo PL 05 ngày 31/3/2011 là 3 tháng/lần.
Các khoản vay của 5 chi nhánh ngân hàng trên được đảm bảo toàn bộ tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

⁽³⁾ Khoản vay thông qua Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Tổng Công ty Vinacorex) với Ngân hàng BNP Paribas. Theo đó, Tổng Công ty Vinacorex đứng ra vay Ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinacorex, số 24 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

hàng BNP Paribas theo các hợp đồng số 27/CD-VNN/2006 với hạn mức là 15.555.000 USD, mục đích để thanh toán nhập khẩu máy móc thiết bị cho Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt và Hợp đồng số 28/CD-VNN/2006 ngày 10/10/2006 với hạn mức là 2.500.000 USD để thanh toán phí bảo hiểm tín dụng và lãi vay. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinacorex ký hợp đồng vay lại của Tổng Công ty Vinacorex số tiền trên theo Hợp đồng cho vay lại vốn số 01/HĐTD-VC-TĐCD ngày 12/10/2006 và số 02/HĐTD-VC-TĐCD ngày 12/10/2006 lần lượt tương ứng với 2 hợp đồng trên. Thời hạn cho vay là 13 năm, ân hạn trả nợ gốc là 3 năm, lãi suất cho vay áp dụng theo Hợp đồng số 01/HĐTD-VC-TĐCD là lãi suất LIBOR, kỳ hạn 6 tháng +0,7%/năm và Hợp đồng số 02/HĐTD-VC-TĐCD cùng ngày là LIBOR USD 6 tháng -1,83%/năm, kỳ hạn thanh toán gốc và lãi của khoản vay là 6 tháng/lần.

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống ⁽¹⁾	65.027.271.557	113.533.473.012
Trên 1 năm đến 5 năm	541.841.537.151	413.273.079.902
Trên 5 năm	65.974.926.290	192.672.395.505
Tổng nợ	658.354.588.019	719.478.948.419

⁽¹⁾ Các khoản vay có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống được trình bày ở phần nợ ngắn hạn.**Chi tiết phát sinh của vay dài hạn Ngân hàng như sau:**

	Kỳ này
Số đầu năm	605.945.475.407
Số tiền vay phát sinh	-
Tăng do CLTG đánh giá lại	1.870.988.034
Số tiền vay đã trả	-
Số cuối kỳ	607.816.463.441

19. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm này	380.000.000.000	27.315.261.155	11.447.040.769	76.824.428.554	495.586.730.478
Lợi nhuận trong kỳ				38.669.672.488	38.669.672.488
Trích lập các quỹ trong năm này		1.251.931.994		(1.370.628.994)	(1.118.697.000)
Giá trị tăng thêm này				(72.200.000.000)	(72.200.000.000)
Thủ tục HĐQT				(436.800.000)	(436.800.000)
Số dư cuối kỳ	380.000.000.000	28.567.193.159	11.447.040.769	38.669.672.488	458.684.913.416

Cổ tức

Cổ tức (đã chi trả như sau):

	Kỳ này	Kỳ trước
Trả cổ tức năm trước	72.200.000.000	72.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINA CONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinacorex, số 14 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.000.000	38.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.900 VND.		

20. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần chuyển lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.500.000.000
Số cuối kỳ	<u>2.500.000.000</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<i>Lưu kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện	142.377.768.196	121.370.641.716
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.684.545	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>142.422.452.741</u>	<u>121.370.641.716</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<i>Lưu kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán điện	56.871.625.661	51.683.180.054
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	44.684.545	-
Cộng	<u>56.916.310.206</u>	<u>51.683.180.054</u>

Giá vốn của điện năng và dịch vụ đã cung cấp như sau:

	<i>Lưu kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	21.436.515	-
Chi nhân công trực tiếp	6.175.582.997	5.468.085.531
Chi phí sản xuất chung	50.719.150.694	46.215.094.523

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinacores, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng chi phí sản xuất	56.916.310.206	51.583.180.054
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh/cờ đang	-	-
Tổng giá thành sản xuất	56.916.310.206	51.583.180.054
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	-	-
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	56.916.310.206	51.583.180.054
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	541.249.999	1.191.611.067
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.728.435	46.326.789
Cộng	552.978.434	1.237.937.856
4. Chi phí tài chính	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	30.977.248.207	38.722.211.338
Lỗ chênh lệch tỷ giá đổi thực liên	13.953.405	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.039.871.529	3.671.105.091
Chi phí tài chính khác	3.314.598.576	3.314.598.576
Cộng	36.364.771.717	45.707.915.005
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.153.072.042	5.191.906.855
Chi phí vật liệu quản lý	14.878.500	39.608.585
Chi phí đủ dùng văn phòng	54.256.879	122.158.619
Chi phí khấu hao TSCĐ	252.141.583	406.461.290
Thuế, phí và lệ phí	3.318.182	20.622.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.356.399.519	3.464.473.773
Chi phí bằng tiền khác	126.070.338	199.959.601
Cộng	8.990.137.443	9.445.191.085
6. Thu nhập khác	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý vật tư	-	56.830.909
Hoàn nhập chi phí bảo lãnh hàng mục công trình nhà trẻ Maple Hear	-	129.375.085
Thu nhập khác	706.600	1.700.001
Cộng	706.600	187.905.995

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinacorex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Lợi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.669.672.488	15.913.222.923
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu số phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu số phiếu phổ thông	38.669.672.488	15.913.222.923
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	38.000.000	38.000.000
Lợi cơ bản trên cổ phiếu	1.018	419

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	38.000.000	38.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	38.000.000	38.000.000

8. Chi phí sửa chữa kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	486.271.463	1.139.385.338
Chi phí nhân công	11.328.755.039	10.659.992.386
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.946.040.475	34.955.426.688
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.153.706.433	4.301.353.054
Chi phí khác	15.011.674.239	10.074.213.633
Cộng	65.906.447.649	61.128.271.129

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chuyển nợ phải trả thành vốn chủ sở hữu	146.300.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 24 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Kỳ này
Tiền lương	679.685.714
Phụ cấp	17.500.000
Cộng	<u>697.185.714</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam	Cổ đồng góp vốn
Tổng công ty Sông Đà	Cổ đồng góp vốn
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4	Cổ đồng góp vốn
Tổng Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp	Cổ đồng góp vốn

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm này	Năm trước
Trị nợ vay cho TCT Vinaconex	48.706.353.667	18.202.973.482
Lãi tiền vay phải trả	1.774.180.101	1.850.519.606
TCT Vinaconex cung cấp hàng hóa		717.462.654

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam</i>		
Phải trả gốc vay	203.894.184.609	220.184.843.275
Phải trả lãi vay	1.563.190.812	1.714.262.158
Cộng nợ phải trả	<u>205.457.375.421</u>	<u>221.899.105.433</u>

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là bán điện năng và trong một khu vực địa lý là trong nước.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán - Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Vinaconex

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinacorex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

ĐẠO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành qui chế bên hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung lên quan đến Công ty mua bán điện với số dư nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 chiếm 100% tổng số dư nợ phải thu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chiếm 99%). Các khách hàng khác có số dư dưới 1% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả có thời hạn đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính chủ yếu phát sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	115.565.396.135	541.841.537.151	65.974.926.290	723.381.859.576
Phải trả người bán	4.699.378.534	-	-	4.699.378.534
Các khoản phải trả khác	58.216.869.572	-	-	58.216.869.572
Cộng	178.481.644.241	541.841.537.151	65.974.926.290	786.298.107.682
Số đầu năm				
Vay và nợ	142.993.683.407	413.273.079.902	192.672.395.505	748.939.158.814
Phải trả người bán	4.755.687.697	-	-	4.755.687.697
Các khoản phải trả khác	10.688.069.319	-	-	10.688.069.319
Cộng	158.437.440.323	413.273.079.902	192.672.395.505	764.382.915.730

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinconex, số 34 Lương Hạ, phường Lương Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giả định nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất sẽ được để phân tích độ nhạy được dựa trên việc định giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu máy móc phục vụ cho sản xuất sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản (Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	97,22	113,85
Vay và nợ	(9.572.496,90)	(10.442.723,94)
Tài sản (Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(9.572.399,71)	(10.442.610,09)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 3.873.950.163 VND do ảnh hưởng của lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ	(448.805.751.207)	(409.413.638.078)
(Nợ phải trả) thuần	(448.805.751.207)	(409.413.638.078)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 17 tòa nhà Vinacorex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vẫn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 8.527.214,273 VND.

Tài sản đơn vị

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền (Xem thuyết minh V.1)	16.000.000.000	-

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.573.744.406	-	6.456.700.196	-	26.573.744.406	6.456.700.196
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng	48.310.204.880	-	42.527.817.526	-	48.310.204.880	42.527.817.526
Các khoản phải thu khác	4.554.181.248	-	4.504.365.481	-	4.554.181.248	4.504.365.481
Cộng	79.438.130.534	-	55.488.883.203	-	79.438.130.534	55.488.883.203

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay và nợ	723.381.859.576	748.939.158.814	723.381.859.576
Phải trả người bán	4.699.378.534	4.755.687.097	4.699.378.534	4.755.687.097
Các khoản phải trả khác	58.253.477.769	10.678.254.020	58.253.477.769	10.678.254.020
Cộng	786.334.715.879	764.373.099.931	786.334.715.879	764.373.099.931

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (để trừ dự phòng cho phần ước tính có lãi nhưng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinacorex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Thông tin cơ sở

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lấy theo số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 kiểm toán.

Người lập biểu



Nguyễn Văn Bình

Kế toán trưởng



Phạm Bảo Long

Lập, ngày 04 tháng 8 năm 2014

Giám đốc



Yương Hoàng Minh



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**